

CÔNG TY TNHH GLUEXPRESS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GLUEXPRESS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLUEXPRESS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GLUEXPRESS CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110504592

3. Ngày thành lập: 11/10/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 36, đường Long Khánh 4, Khu đô thị Vinhomes Thăng Long, Xã An Khánh,
Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982849895

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4513
4.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa (không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4610
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Không bao gồm Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
6.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
10.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy;	4669(Chính)
11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hoạt động tổ chức hợp báo)	8230

12.	Dịch vụ đóng gói	8292
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (không bao gồm hoạt động đầu giá)	8299
14.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
15.	Lập trình máy vi tính	6201
16.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
17.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn thuế, kế toán, pháp luật)	7020
18.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
19.	Quảng cáo (Loại Nhà nước cho phép)	7310
20.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ thông tin phục vụ điều tra)	7320
21.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
22.	Cho thuê xe có động cơ	7710
23.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
24.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
25.	In ấn	1811
26.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
27.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
28.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
29.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
30.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
31.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
32.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
33.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
34.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
35.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
36.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
37.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
38.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
39.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
40.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
41.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
42.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790

43.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
44.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
45.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
46.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
47.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
48.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
49.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
50.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
51.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
52.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
53.	Sản xuất máy luyện kim	2823
54.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
55.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
56.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
57.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
58.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
59.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4791
60.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4799
61.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4931
62.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
63.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933

64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ; đường thủy; - Giao nhận hàng hóa; - Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. - Dịch vụ đại lý, giao nhận, vận chuyển - Hoạt động lập kế hoạch, tổ chức và hỗ trợ hoạt động vận tải, kho bãi và phân phối hàng hóa. - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
65.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
66.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
67.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
68.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
69.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
70.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
71.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
72.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
73.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
74.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
75.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGÔ HỒNG QUÝ	Việt Nam	P402-N03, ngõ 84 Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	50,000	038083000005	

2	PHẠM VĂN HẠNH	Việt Nam	P202, nhà 5T1, TT Khí Tượng Thủy Văn, ngõ 62 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	50,000	038078029763	
---	---------------	----------	---	-------------	--------	--------------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐÀO VĂN VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/09/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038089040205

Ngày cấp: 15/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Xuân Tiến, Phường Hải Thanh, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn 2406, Toà HH1B, Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội